

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

*ALPHA SEVEN GROUP
JOINT STOCK COMPANY*

Số: 61/2025/CV-A7
No: 61/2025/CV-A7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025
Ho Chi Minh City, July 30, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - State Securities Commission of Vietnam

- Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Alpha Seven thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

In accordance with the provisions of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance on information disclosure in the securities market, Alpha Seven Group Joint Stock Company discloses its Q4/2024 financial statements to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

**Organization Name: ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK
COMPANY**

- Mã chứng khoán: DL1

Stock code: DL1

- Địa chỉ: Lô I3- 6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: Lot I3-6 N2 Street, High-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

Contact phone: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

- Email: info@a7group.vn

Website: http://www.a7group.vn



2. Nội dung thông tin công bố:

Content of the Announcement:

- Báo cáo tài chính quý 2 năm 2025

The Financial statements Q2 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate financial statements (for a public company without subsidiaries and a superior accounting unit with affiliated units);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated financial statements (for a public company with subsidiaries);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

Combined financial statements (for a public company with affiliated accounting units that have an independent accounting system).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases requiring an explanation of reasons:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

The auditing organization issues an opinion that is not an unqualified opinion on the financial statements (for reviewed/audited financial statements):

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

The after-tax profit in the reporting period differs by 5% or more before and after the audit, or shifts from a loss to a profit or vice versa (for the audited financial statements of 2024):

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

30
CÔ
IÀ
PH
TC-

Explanatory document in case of integration:

Có/Yes



Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

The after-tax profit in the income statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:

Có/Yes



Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

Có/Yes



Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

The after-tax profit in the reporting period is a loss, or it shifts from a profit in the same period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa:

Có/Yes



Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

Có/Yes



Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/07/2025 tại đường dẫn:

This information was published on the Company's website on 30/07/2025 at the following link:

⇒ <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo Quý 2 năm 2025.

Report on transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total assets during the Q2 2025 reporting period.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:
Không có.

In cases where the public company has transactions, it is required to fully report the following details: None.

- Nội dung giao dịch:

Transaction content:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

The transaction value ratio to the company's total assets (%) (based on the most recent financial statements).;

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Transaction completion date:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

We hereby confirm that the information provided above is accurate and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm:

Attached Document:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2025;
Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm quý 2 năm 2025;
Giải trình chênh lệch 10% LNST quý 2 năm 2025
- Consolidated financial statements for Q2 2025;
Parent company financial statements for Q2 2025;
Explanation of a 10% difference in after-tax profit for Q2 2025.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

Organization Representative

Legal Representative

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign, full name, position, seal)



Nguyễn Đình Trạc

Nguyen Dinh Trac



Số: 64/2025/CV-A7

TpHCM, ngày 30 tháng 7 năm 2025

“V/v giải trình liên quan đến BCTC
quý 2 năm 2025”

**Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 2 năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven;

Công ty xin giải trình các chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

I. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng :

| Khoản mục | BCTC riêng Quý 2/2025 | BCTC riêng Quý 2/2024 | Chênh lệch |
|---|--------------------------|--------------------------|---------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.799.938.609 | 2.579.683.353 | 8.220.255.256 |

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2025 lãi 10,799 tỷ đồng, tăng 8,220 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 2 năm 2025 tăng 757 triệu đồng tương ứng 15,05% so với cùng kỳ năm 2024, giá vốn hàng bán giảm 19,67% , dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 2 năm 2025 tăng 1,175 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2024;

- Doanh thu hoạt động tài chính quý 2 năm 2025 tăng 30,187 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2024, do Công ty nhận được lợi nhuận được chia từ Công ty con và Công ty liên kết.

- Chi phí tài chính quý 2 năm 2025 tăng 23,034 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, do Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại các Công ty con.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 2 năm 2025 tăng 140 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2024.

Từ nguyên chính trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2025 lãi 10,799 tỷ đồng tăng so với cùng năm 2024 .



II. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| Khoản mục | BCTC hợp nhất Quý 2/2025 | BCTC hợp nhất Quý 2/2024 | Chênh lệch |
|--|--------------------------|--------------------------|------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 12.718.580.416 | 29.474.254.096 | (16.755.673.680) |

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2025 lãi 12,718 tỷ đồng, giảm 16,755 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 2 năm 2025 tăng 186,862 tỷ đồng tương ứng 223,57% so với cùng kỳ năm 2024, giá vốn hàng bán giảm 389,43%, dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 2 năm 2025 tăng 27,312 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2024;

- Doanh thu hoạt động tài chính quý 2 năm 2025 tăng 13,607 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2024, do Công ty con tăng doanh thu hoạt động tài chính.

- Chi phí tài chính quý 2 năm 2025 tăng 5,483 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, do Công ty Công ty con tăng chi phí tài chính.

- Chi phí bán hàng quý 2 năm 2025 tăng 977 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2024.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 2 năm 2025 tăng 39,047 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024.

- Từ nguyên chính trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2025 lãi 12,718 tỷ đồng giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Trên đây là giải trình của Công ty về tình hình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý 2 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, KCN, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp Thủ Đức, TpHCM
Tel: 0283 7367187 Fax: 0283 7367187

Mẫu số B01-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

DN- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| TÀI SẢN | | | 1,284,196,510,808 | 1,323,608,505,526 |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 464,812,994,603 | 472,213,219,537 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 1,231,561,648 | 1,456,031,408 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 1,231,561,648 | 1,456,031,408 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | | |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 130,000,000,000 | 151,020,000,000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2 | - | 55,200,000,000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*) | 122 | | - | (4,180,000,000) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.3 | 130,000,000,000 | 100,000,000,000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 332,600,013,638 | 319,039,666,238 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.4 | 137,148,008,390 | 211,634,114,963 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.5 | 44,717,475,639 | 2,970,300,000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn khác | 135 | V.6 | 96,879,493,346 | 77,208,383,344 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.8a | 54,527,736,263 | 27,899,567,931 |
| 7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi(*) | 137 | V.9 | (672,700,000) | (672,700,000) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | | 0 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 645,203,559 | 645,203,559 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 645,203,559 | 645,203,559 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | 0 | 0 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 336,215,758 | 52,318,332 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10a | 336,215,758 | 52,318,332 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | | |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 819,383,516,205 | 851,395,285,989 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 2,064,375,501 | 2,064,375,501 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | 0 | 0 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.8b | 2,064,375,501 | 2,064,375,501 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | 0 | 0 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 80,276,012,395 | 81,704,583,187 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 20,173,459,432 | 21,582,340,702 |
| - Nguyên giá | 222 | | 48,208,652,228 | 48,208,652,228 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế(*) | 223 | | (28,035,192,796) | (26,626,311,526) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế(*) | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 60,102,552,963 | 60,122,242,485 |
| - Nguyên giá | 228 | | 60,441,795,000 | 60,441,795,000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế(*) | 229 | | (339,242,037) | (319,552,515) |
| | | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.13 | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | 1,891,892,974 | 1,891,892,974 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế(*) | 232 | | (1,891,892,974) | (1,891,892,974) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 49,083,637,960 | 48,843,637,960 |



| | | | | |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.14 | 49,083,637,960 | 48,843,637,960 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.15 | 687,207,679,784 | 718,403,843,208 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 537,000,000,000 | 537,000,000,000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 201,187,500,000 | 201,187,500,000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | | 0 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn(*) | 254 | | (50,979,820,216) | (19,783,656,792) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 0 | 0 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 751,810,565 | 378,846,133 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10b | 751,810,565 | 378,846,133 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | 0 | 0 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 1,284,196,510,808 | 1,323,608,505,526 |
| NGUỒN VỐN | | | 1,284,196,510,808 | 1,323,608,505,526 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 60,790,107,097 | 135,745,908,744 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 60,790,107,097 | 135,745,908,744 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.16 | 12,462,074,114 | 12,485,574,114 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | 23,909,089 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 313 | V.17 | 3,726,009,734 | 3,517,473,786 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 587,905,945 | 515,804,659 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 345,477,781 | 2,885,457,990 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | | |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | 0 | 0 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19 | 307,320,456 | 315,530,992 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20 | 42,747,659,000 | 115,388,498,047 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 0 | 0 |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 613,660,067 | 613,660,067 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | 0 | 0 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 0 | 0 |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | 0 | 0 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | 0 | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | 0 | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 0 | 0 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | | |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ | 343 | | 0 | 0 |
| D.VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1,223,406,403,711 | 1,187,862,596,782 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.21 | 1,223,406,403,711 | 1,187,862,596,782 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 1,062,360,940,000 | 1,062,360,940,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1,049,485,820 | 1,049,485,820 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 0 | 0 |
| 5. Cổ phiếu quỹ(*) | 415 | | 0 | 0 |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | 0 | 0 |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 0 | 0 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 663,498,805 | 663,498,805 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | | 0 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 159,332,479,086 | 123,788,672,157 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 123,788,672,157 | 100,182,443,890 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 35,543,806,929 | 23,606,228,267 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | 0 | 0 |

004
ÔNG
AN T
HA S
TC-T.P

| | | | | |
|---|------------|--|--------------------------|--------------------------|
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 0 | 0 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 0 | 0 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400) | 440 | | 1,284,196,510,808 | 1,323,608,505,526 |

Người Lập



Hà Thị Phương Oanh

Kế toán Trường



Hà Thị Phương oanh

Ngày 30 tháng 07 năm 2025
Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Trạc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-8 Đường N2, KCN, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp Thủ Đức, TpHCM

Tel: 0283 7367187 Fax: 0283 7367187

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VNĐ

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Quý II | | Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 5,789,082,341 | 5,031,595,904 | 11,261,061,049 | 9,767,634,847 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 5,789,082,341 | 5,031,595,904 | 11,261,061,049 | 9,767,634,847 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1,706,397,301 | 2,124,322,798 | 3,260,387,315 | 3,596,661,751 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11) | 20 | | 4,082,685,040 | 2,907,273,106 | 8,000,673,734 | 6,170,973,096 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 33,529,754,617 | 3,342,157,164 | 63,055,863,726 | 4,079,728,967 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 25,191,877,369 | 2,157,591,041 | 32,653,003,696 | 1,293,037,616 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 665,971,615 | 2,157,591,041 | 1,456,840,271 | 1,293,037,616 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 140,809,907 | 139,750,338 | 279,707,183 | 280,141,060 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 968,417,499 | 827,531,479 | 1,554,797,477 | 1,818,661,343 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (25+26) | 30 | | 11,311,334,882 | 3,124,557,412 | 36,569,029,104 | 6,858,862,044 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | - | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 42,409,129 | 28,527,865 | 53,692,919 | 33,719,508 |
| 13. Lợi nhuận khác(40=31-32) | 40 | | (42,409,129) | (28,527,865) | (53,692,919) | (33,719,508) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40) | 50 | | 11,268,925,753 | 3,096,029,547 | 36,515,336,185 | 6,825,142,536 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | V.17 | 468,987,144 | 516,346,194 | 971,529,256 | 1,297,603,048 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52) | 60 | | 10,799,938,609 | 2,579,683,353 | 35,543,806,929 | 5,527,539,488 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*) | 70 | | | | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*) | 71 | | | | | |

Người Lập

Hà Thị Phương Oanh

Kế toán Trưởng

Hà Thị Phương oanh

Ngày 07 tháng 07 năm 2025

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Trạc

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

| Chỉ tiêu | Mã chi tiêu | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay) | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước) |
|--|-------------|-------------|---|---|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | 0 | 0 |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 11,515,336,185 | 6,825,142,536 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | (33,135,108,227) | (1,332,568,659) |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | | 1,428,570,792 | 1,454,122,692 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (4,180,000,000) | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 0 | 0 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (63,036,682,715) | (4,079,728,967) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 32,653,003,696 | 1,293,037,616 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (21,619,772,042) | 5,492,573,877 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 1,745,003,808 | 169,725,248,180 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (2,064,692,771) | 100,291,932,228 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (372,964,432) | 196,076,281 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | | |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1,309,971,972) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (200,000,000) | (37,139,680) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (23,822,397,409) | 275,668,690,886 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | 0 | 0 |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (238,122,300,000) | (336,492,090,000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 210,625,691,951 | 118,692,270,196 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 55,200,000,000 | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 55,709,876,698 | 1,053,535,331 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 83,413,268,649 | (216,746,284,473) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | 0 |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | 0 |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 80,384,659,000 | 50,000,000,000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (140,200,000,000) | (88,550,000,000) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | 0 | 0 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (59,815,341,000) | (38,550,000,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | (224,469,760) | 20,372,406,413 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 1,456,031,408 | 1,258,406,634 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 0 | 0 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | V.1 | 1,231,561,648 | 21,630,813,047 |

Người Lập



Hà Thị Phương Oanh

Kế toán Trưởng



Hà Thị Phương oanh

Ngày 30 tháng 07 năm 2025

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Trạc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Sản xuất điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Sản xuất điện: Chi tiết sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)

Ngành Giao thông vận tải phụ thuộc việc này tác động rất lớn đến nhu cầu đi lại của người dân làm ảnh hưởng đến công tác vận chuyển hành khách của Công ty. Do đó, doanh thu vận chuyển khách hàng giảm so với cùng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

6. Cấu trúc Công ty**Các chi nhánh trực thuộc hạch toán độc lập**

| Tên chi nhánh | Địa chỉ |
|---|--|
| Bến Xe Gia Lai – Chi nhánh Công Cổ Phần | 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố |
| Tập đoàn Alpha seven | Pleiku, Gia Lai |

Các Công ty con

| STT | Tên công ty | Ngành nghề kinh doanh chính | Tại ngày cuối kỳ (30/06/2025) | | | Tại ngày đầu năm | | |
|-----|---|---|----------------------------------|------------------------|-------------------|------------------|------------------------|--------------|
| | | | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ góp vốn | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu |
| 1. | Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử. | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 2. | Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận | Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện. | 50,0% | 50,0% | 50,0% | 50,0% | 50,0% | 50,0% |
| 3. | Mass Noble Investments Limited (công ty trực tiếp) | Thiết kế, sản xuất và kinh doanh thẻ nhớ SD, các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình | 97,73% | 97,73% | 97,73% | 97,73% | 97,73% | 97,73% |
| 4. | Ansen Investment Holdings Limited (công ty con gián tiếp) | Đầu tư | 0% | 100% | 97,73% | 0% | 100% | 97,73% |
| 5. | Shine Profit Development Limited (công ty con gián tiếp) | Thiết kế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng | 0% | 100% | 97,73% | 0% | 100% | 97,73% |
| 6. | Greatrich Industrial Limited (công ty con gián tiếp) | Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư | 0% | 100% | 97,73% | 0% | 100% | 97,73% |
| 7. | Profit Metal Limited (công ty con gián tiếp) | Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng | 0% | 100% | 97,73% | 0% | 100% | 97,73% |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

| STT | Tên công ty | Ngành nghề kinh doanh chính | Tại ngày cuối kỳ (30/06/2025) | | | Tại ngày đầu năm | | |
|-----|--------------------------------------|---|----------------------------------|------------------------|-------------------|------------------|------------------------|-------------------|
| | | | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ góp vốn | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu |
| 8. | 東莞橋頭益發燈具有有限公司(công ty con gián tiếp) | lượng Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư | 0% | 100% | 97,73% | 0% | 100% | 97,73% |
| 9. | 東莞利材塑膠製品有限公司(công ty con gián tiếp) | Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đóng gói | 0% | 100% | 97,73% | 0% | 100% | 97,73% |
| 10. | 東莞安迅電子有限公司(công ty con gián tiếp) | Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng | 0% | 100% | 97,73% | 0% | 100% | 97,73% |

Công ty liên doanh, liên kết

| STT | Tên công ty | Ngành nghề kinh doanh chính | Tại ngày cuối kỳ (30/06/2025) | | | Tại ngày đầu năm | | |
|-----|--|---------------------------------------|----------------------------------|------------------------|-------------------|------------------|------------------------|-------------------|
| | | | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ góp vốn | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu |
| 1. | Công ty CP BOT và BT Đúc Long Đăk Nông | Đầu tư xây dựng công trình giao thông | 29,0% | 29,0% | 29,0% | 29,0% | 29,0% | 29,0% |

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 Công ty có 31 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 32 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm
Báo cáo bán niên quý 2 năm 2025 của Công ty từ ngày 01 tháng 01 và ngày 30 tháng 06..

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (riêng)

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhàn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 48 |
| Máy móc và thiết bị | 10 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 4,5 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 |

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 – 08 năm.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 |

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu cung cấp dịch vụ (Dịch vụ bến bãi, vận chuyển, ...)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đối với hoạt động dự án điện mặt trời trên mái nhà:

- Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty Cổ Phần Tập Đoàn ALPHA SEVEN được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho trường hợp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: ... sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học. Mức ưu đãi cụ thể như sau:

Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm (từ năm 2021 đến năm 2035).

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính (riêng) và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhựt Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với Chính sách Kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| Chi tiết | 30/06/2025 | 31/12/2024 |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Tiền mặt | 653.789.890 | 686.257.568 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 577.771.758 | 769.773.840 |
| Cộng | 1.231.561.648 | 1.456.031.408 |

2. Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|------------|----------------|----------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu | - | - | - | 55.200.000.000 | 51.020.000.000 | (4.180.000.000) |
| - Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai | - | - | - | 55.200.000.000 | 51.020.000.000 | (4.180.000.000) |
| Cộng | - | - | - | 55.200.000.000 | 51.020.000.000 | (4.180.000.000) |

(*) Là khoản đầu vào Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18A/NQ-HĐQT-A7 ngày 23/09/2022.

3. Đầu tư tài chính ngắn hạn

| Chi tiết | 30/06/2025 | 31/12/2024 |
|--|------------------------|------------------------|
| - Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 năm | 90.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 1 năm | 40.000.000.000 | |
| Cộng | 130.000.000.000 | 100.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| Chi tiết | 30/06/2025 | 31/12/2024 |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 110.819.560 | - |
| - Công Ty TNHH Điện Tử DLG Ansen | 110.819.560 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 137.037.188.830 | 211.634.114.963 |
| - Công ty TNHH MTV Thương Mại Hùng Nhân Gia Lai | 1.383.000.000 | 1.383.000.000 |
| - Ông Nguyễn Đức Toàn | 80.000.000.000 | 210.000.000.000 |
| - Công Ty TNHH MTV Trường An tây Nguyên | 55.200.000.000 | - |
| - Các khách hàng khác | 454.188.830 | 251.114.963 |
| Cộng (*) | 137.148.008.390 | 211.634.114.963 |

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| Chi tiết | 30/06/2025 | 31/12/2024 |
|--|-----------------------|----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | - | - |
| Trả trước cho các bên khác | 44.717.475.639 | 2.970.300.000 |
| - Công ty CP Đầu Tư Sơn Tùng | 1.260.000.000 | 1.260.000.000 |
| - Nguyễn Hữu Hậu | 40.000.000.000 | - |
| - Các người bán khác | 3.457.475.639 | 1.710.300.000 |
| Cộng | 44.717.475.639 | 2.970.300.000 |

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn**. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| Chi tiết | 30/06/2025 | 31/12/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | - | - |
| Phải thu các tổ chức, cá nhân khác | 96.879.493.346 | 77.208.383.344 |
| - Hồ Thị Thu (*) | 54.030.493.344 | 14.545.493.344 |
| - Mai Xuân Bình (*) | 20.000.000.000 | 43.983.190.000 |
| - Trần Thị Quỳnh (*) | - | 18.679.700.000 |
| - Phạm Thị Bích Loan | 22.849.000.002 | - |
| Cộng | 96.879.493.346 | 77.208.383.344 |

(*) Cho các cá nhân, Công ty mượn tiền theo các hợp đồng cụ thể, thời gian cho mượn 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

7. Hàng tồn kho

| Chi tiết | 30/06/2025 | | 31/12/2024 | |
|--------------------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾ | 645.203.559 | - | 645.203.559 | - |
| Cộng | 645.203.559 | - | 645.203.559 | - |

(1) Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là tấm pin điện mặt trời.

8. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**8a. Phải thu ngắn hạn khác**

| Chi tiết | 30/06/2025 | 31/12/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 36.792.400.000 | 7.442.400.000 |
| Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông | 11.730.000.000 | 7.380.000.000 |
| Công ty Cp Điện Mặt Trời DLG Ninh thuận | 25.000.000.000 | |
| Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai | 62.400.000 | 62.400.000 |
| Phải thu các tổ chức, cá nhân khác | 17.735.336.264 | 20.457.167.931 |
| - Phải thu lãi cho vay | 7.194.330.943 | 6.467.024.905 |
| - Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | - | 3.916.506.850 |
| - Các đối tượng khác | 10.541.005.320 | 10.073.636.176 |
| Cộng | 54.527.736.263 | 27.899.567.931 |

8b. Phải thu dài hạn khác

| Chi tiết | 30/06/2025 | 31/12/2024 |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 2.064.375.501 | 2.064.375.501 |
| - Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai (ký quỹ) | 2.064.375.501 | 2.064.375.501 |
| Phải thu các tổ chức, cá nhân khác | - | - |
| Cộng | 2.064.375.501 | 2.064.375.501 |

9. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|------------------------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Các bên liên quan | | - | - | | - | - |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | 1.383.000.000 | 710.300.000 | | 1.383.000.000 | 710.300.000 |
| Công Ty TNHH MTV TM Hùng Nhân | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 1.383.000.000 | 710.300.000 | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 1.383.000.000 | 710.300.000 |
| | | 0 | 0 | | 0 | 0 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Cộng

1.383.000.000 710.300.000**1.383.000.000 710.300.000****Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | (672.700.000) | (672.700.000) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | (672.700.000) | (672.700.000) |

10. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn**10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| Chi tiết: | <u>30/06/2025</u> | <u>31/12/2024</u> |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| - Công cụ, dụng cụ đang sử dụng | 336.215.758 | 52.318.332 |
| Số cuối kỳ | 336.215.758 | 52.318.332 |

Tình hình biến động

| | <u>30/06/2025</u> | <u>31/12/2024</u> |
|---------------------|--------------------|-------------------|
| - Số đầu năm | 52.318.332 | 56.111.822 |
| - Tăng trong năm | 333.732.168 | 297.035.690 |
| - Phân bổ trong năm | (49.834.742) | (300.829.180) |
| Số cuối kỳ | 336.215.758 | 52.318.332 |

10b Chi phí trả trước dài hạn

| Chi tiết: | <u>30/06/2025</u> | <u>31/12/2024</u> |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| - Chi phí sửa chữa | 713.230.321 | 270.061.726 |
| - Chi phí khác | 38.580.244 | 108.784.407 |
| Số cuối kỳ | 751.810.565 | 378.846.133 |

Tình hình biến động

| | <u>30/06/2025</u> | <u>31/12/2024</u> |
|---------------------|--------------------|--------------------|
| - Số đầu năm | 378.846.133 | 906.628.220 |
| - Tăng trong năm | 636.359.226 | 61.050.727 |
| - Phân bổ trong năm | (263.394.794) | (588.832.814) |
| Số cuối kỳ | 751.810.565 | 378.846.133 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

11. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm (01/01/2025) | 24.870.103.899 | 21.095.269.492 | 1.971.463.637 | 271.815.200 | 48.208.652.228 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối kỳ (30/06/2025) | 24.870.103.899 | 21.095.269.492 | 1.971.463.637 | 271.815.200 | 48.208.652.228 |
| <i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | 460.783.980 | - | 3.203.035.064 | 67.400.000 | 3.731.219.044 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số đầu năm (01/01/2025) | 17.334.333.603 | 7.048.699.086 | 1.971.463.637 | 271.815.200 | 26.626.311.526 |
| Khấu hao trong năm | 528.402.030 | 880.479.240 | - | - | 1.408.881.270 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối kỳ (30/06/2025) | 17.862.735.633 | 7.929.178.326 | 1.971.463.637 | 271.815.200 | 28.035.192.796 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm (01/01/2025) | 7.535.770.296 | 14.046.570.406 | - | - | 21.582.340.702 |
| Số cuối kỳ (30/06/2025) | 7.007.368.266 | 13.166.091.166 | - | - | 20.173.459.432 |

12. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình như sau:

| | Phần mềm máy tính | Quyền sử dụng đất | Cộng |
|--|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm (01/01/2025) | 441.795.000 | 60.000.000.000 | 60.441.795.000 |
| Tăng trong năm | - | - | - |
| Số cuối kỳ (30/06/2025) | 441.795.000 | 60.000.000.000 | 60.441.795.000 |
| <i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | 58.625.000 | - | 58.625.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số đầu năm (01/01/2025) | 319.552.515 | - | 319.552.515 |
| Khấu hao trong năm | 19.689.522 | - | 19.689.522 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối kỳ (30/06/2025) | 339.342.037 | - | 339.342.037 |
| Giá trị còn lại | | | |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

| | | | |
|--------------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm (01/01/2025) | 122.242.485 | - | 122.242.485 |
| Số cuối kỳ (30/06/2025) | 102.552.963 | 60.000.000.000 | 60.102.552.963 |

13. Bất động sản đầu tư

Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

| | <u>Cơ sở hạ tầng (*)</u> | <u>Cộng</u> |
|--|--------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm (01/01/2025) | 1.891.892.974 | 1.891.892.974 |
| Tăng trong năm | - | - |
| Giảm trong năm | - | - |
| Số cuối kỳ (30/06/2025) | 1.891.892.974 | 1.891.892.974 |
| <i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Số đầu năm (01/01/2025) | 1.891.892.974 | 1.891.892.974 |
| Khấu hao trong năm | - | - |
| Giảm trong năm | - | - |
| Số cuối kỳ (30/06/2025) | 1.891.892.974 | 1.891.892.974 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm (01/01/2025) | 0 | 0 |
| Số cuối kỳ (30/06/2025) | 0 | 0 |

(*) Là các ki ốt bán hàng của Công ty đang cho thuê.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Giảm khác</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---|-----------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | | | | | |
| <i>Quyền sử dụng đất 97/4 Nguyễn Hữu Cảnh **)</i> | <i>48.000.000.000</i> | - | | | <i>48.000.000.000</i> |
| <i>'- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tòa nhà Nguyễn Hữu Cảnh</i> | <i>843.637.960</i> | <i>240.000.000</i> | | | <i>1.083.637.960</i> |
| Cộng | 48.843.637.960 | 240.000.000 | - | - | 49.083.637.960 |

(*) Là Quyền sử dụng đất tại số 97/4 Nguyễn Hữu Cảnh đang, được mua theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở số 12033 vào ngày 07 tháng 07 năm 2024 giữa Ông Trần Văn Chín, Bà Lê Thị Kiều Thủy với Công ty. Giấy chứng nhận chủ sở hữu nhà và sử dụng đất ở tại số 97/4 đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

15. Đầu tư tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ (30/06/2025) | | | Số đầu năm | | |
|--|-------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 537.000.000.000 | 486.020.179.784 | 50.979.820.216 | 537.000.000.000 | 517.216.343.208 | 19.783.656.792 |
| Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (1) | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 | - | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 | - |
| Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (2) | 202.000.000.000 | 202.000.000.000 | | 202.000.000.000 | 202.000.000.000 | |
| Công Ty Mass Noble Investment Limited (3) | 255.000.000.000 | 204.020.179.784 | 50.979.820.216 | 255.000.000.000 | 235.216.343.208 | 19.783.656.792 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 201.187.500.000 | 201.187.500.000 | - | 201.187.500.000 | 201.187.500.000 | - |
| Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông (4) | 201.187.500.000 | 201.187.500.000 | | 201.187.500.000 | 201.187.500.000 | - |
| Cộng | 738.187.500.000 | 687.207.679.784 | 50.979.820.216 | 738.187.500.000 | 718.403.843.208 | 19.783.656.792 |

(1) Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 753412041 do Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh (cấp lần đầu ngày 31/05/2017 và thay đổi lần thứ nhất này 24 tháng 12 năm 2020). Công ty được đăng ký thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315016980 cấp lần đầu vào ngày 27/04/2018, thay đổi lần thứ 03 ngày 01/06/2021. Ngành nghề hoạt động chính là sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 80.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (số đầu năm là 80.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ).

(2) CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500619268 ngày 30/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp. Ngành nghề hoạt động chính là đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; sản xuất truyền tải điện; khai thác đá, đất sét; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 10.500.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (số đầu năm là 10.500.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ).

(3) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 255.000.000.000 đồng tương ứng 97,73% vốn điều lệ Công Ty Mass Noble Investment Limited. Ngành nghề hoạt động chính là Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao. (số đầu năm là 255.000.000.000 đồng tương ứng 97,73%)

(4) Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhựt, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

16. Phải trả người bán ngắn hạn

| Chi tiết | 30/06/2025 | 31/12/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 4.804.830.000 | 3.863.200.000 |
| Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | 4.804.830.000 | 3.863.200.000 |
| Phải trả nhà cung cấp khác | 7.657.244.114 | 8.622.374.114 |
| - Công ty Cổ Phần VES | 7.500.000.000 | 7.500.000.000 |
| - Các đối tượng khác | 157.244.114 | 1.122.374.114 |
| Cộng (*) | 12.462.074.114 | 12.485.574.114 |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối kỳ | |
|-------------------------------|----------------------|----------|------------------------|------------------------|----------------------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| - Thuế GTGT | 349.032.082 | - | 1.043.532.323 | (1.305.525.631) | 87.038.774 | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.403.156.104 | - | 971.529.256 | (200.000.000) | 3.174.685.360 | - |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 765.285.600 | - | - | (301.000.000) | 464.285.600 | - |
| - Phí, lệ phí, phải nộp khác | - | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - | - |
| Thuế TNCN | - | - | 2.559.652.008 | (2.559.652.008) | - | - |
| Cộng | 3.517.473.786 | - | 4.578.713.587 | (4.370.177.639) | 3.726.009.734 | - |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế như sau :

Hoạt động dự án điện mặt trời trên mái nhà với thuế suất 10%,

Hoạt động khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau :

| | 30/06/2025 | 30/06/2024 |
|--|------------------|---------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 36.515.336.185 | 6.825.142.536 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 19.114.167 | 497.614.197 |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác | 19.114.167 | 479.614.197 |
| + Chi phí khấu hao xe vượt 1,6 tỷ | | - |
| + Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (54.350.000.000) | - |
| + Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư | (54.350.000.000) | - |
| - Chuyển lỗ | - | - |
| + Cổ tức từ đầu tư vốn | | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

| | | |
|--|--------------------|----------------------|
| Thu nhập chịu thuế | (17.815.549.648) | 7.304.756.733 |
| + Trong đó: | | |
| + <i>Lỗ thu nhập chịu thuế ở các chi nhánh quyết toán Thuế TNDN riêng</i> | (22.673.195.931) | |
| + <i>Lãi thu nhập chịu thuế ở các chi nhánh quyết toán Thuế TNDN riêng</i> | 4.857.646.283 | - |
| Thu nhập tính thuế | 4.857.646.283 | 7.304.756.733 |
| - Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10% | - | 1.633.482.980 |
| - Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20% | 4.857.646.283 | 5.671.273.753 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 10% và 20% | 10% và 20% |
| Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông | 971.529.256 | 1.297.603.048 |
| | - | - |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 971.529.256 | 1.297.603.048 |

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản chi phí lãi vay .

19. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác*Phải trả ngắn hạn khác*

| | 30/06/2025 | 31/12/2024 |
|---|--------------------|--------------------|
| - Tiền đặt cọc thuê ki ốt, bến bãi, đặt cọc | 191.709.000 | 191.709.000 |
| - BHXH, BHYT, BHTN | 37.611.456 | 27.865.792 |
| - Phải trả khác | 78.000.000 | 95.956.200 |
| Cộng | 307.320.456 | 315.530.992 |

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| Chi tiết | 30/06/2025 | | 31/12/2024 | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan | 2.747.659.000 | 2.747.659.000 | 15.388.498.047 | 15.388.498.047 |
| Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen ⁽¹⁾ | 2.747.659.000 | 2.747.659.000 | 15.388.498.047 | 15.388.498.047 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt nam- CN | - | - | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

| Chi tiết | 30/06/2025 | | 31/12/2024 | |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Sài Gòn ⁽²⁾ | | | | |
| ⁽³⁾ Ngân Hàng TMCP Á Châu - ACB CN Ba Tháng Hai - HCM | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Cộng | 42.747.659.000 | 42.747.659.000 | 115.388.498.047 | 115.388.498.047 |

⁽²⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng số 1401LAV240046293 ngày 29/05/2024, Hợp đồng số 1401LAV240062948 ngày 28/06/2024; Khế ước nhận nợ số 1401LDS240001032 ngày 29/05/2024

- Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng;

- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đến ngày bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay;

- Thời hạn vay được ghi nhận trong từng Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng;

- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;

- Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tài sản đảm bảo : Khoản vay này được đảm bảo theo Hợp đồng đảm bảo số 1401HĐBĐ202411111 ngày 29/05/2024 và Hợp đồng đảm bảo số 1401HĐBĐ202400001 ngày 28/06/2024.

⁽³⁾ Là khoản vay Ngân Hàng TMCP Á Châu - ACB CN Ba Tháng Hai - HCM theo Hợp đồng số KHO.DN1105 090924 ngày 09/09/2024; Hợp đồng thế chấp số KHO.BĐ DN77.090924 ngày 09/09/2024, giấy nhận nợ ngày 10/09/2024 , 16/10/2024, 28/10/2024;

⁽¹⁾ Là khoản vay ngắn hạn 12 tháng , lãi suất 5,3%/năm;

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ^(*) | Cộng |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|--|-------------------|
| Số dư đầu năm trước (01/01/2024) | 1.062.360.940.000 | 1.049.485.820 | 663.498.805 | 100.182.443.890 | 1.164.256.368.515 |
| Tăng trong năm trước | - | - | - | 23.606.228.267 | 23.606.228.267 |
| Tăng từ kết quả kinh doanh | | | | 23.606.228.267 | 23.606.228.267 |
| Giảm trong năm trước | | | | - | - |
| Số dư cuối năm trước (31/12/2024) | 1.062.360.940.000 | 1.049.485.820 | 663.498.805 | 123.788.672.157 | 1.187.862.596.782 |
| Số dư đầu năm nay (01/01/2025) | 1.062.360.940.000 | 1.049.485.820 | 663.498.805 | 123.788.672.157 | 1.187.862.596.782 |
| Tăng trong năm này | - | - | - | 35.543.806.929 | 35.543.806.929 |
| Tăng từ kết quả kinh doanh | | | | 35.543.806.929 | 35.543.806.929 |
| Giảm trong năm này | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ (30/06/2025) | 1.062.360.940.000 | 1.049.485.820 | 663.498.805 | 159.332.479.086 | 1.223.406.403.711 |

22b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận

| | <u>30/06/2025</u> | <u>31/12/2024</u> |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 1.062.360.940.000 | 1.062.360.940.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối kỳ | 1.062.360.940.000 | 1.062.360.940.000 |

22c. Cổ phiếu

| | <u>30/06/2025</u> | <u>31/12/2024</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 106.236.094 | 106.236.094 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 106.236.094 | 106.236.094 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 106.236.094 | 106.236.094 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 106.236.094 | 106.236.094 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 106.236.094 | 106.236.094 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/CP.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| Chi tiết gồm: | <u>Quý 2-2025</u> | <u>Quý 2-2024</u> |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Doanh thu hoạt động bán bãi | 3.984.245.758 | 3.278.621.965 |
| - Doanh thu hoạt động vận chuyển | 81.312.602 | 47.271.364 |
| - Doanh thu hoạt động điện mặt trời | 1.723.523.981 | 1.705.702.575 |
| Cộng | 5.789.082.341 | 5.031.595.904 |

2. Giá vốn hàng bán

| Chi tiết gồm: | <u>Quý 2-2025</u> | <u>Quý 2-2024</u> |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Giá vốn hoạt động bán bãi | 1.033.024.473 | 1.355.250.041 |
| - Giá vốn hoạt động vận chuyển | 92.435.577 | 83.560.595 |
| - Giá vốn hoạt động điện mặt trời | 580.937.251 | 685.512.162 |
| Cộng | 1.706.397.301 | 2.124.322.798 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| Chi tiết gồm: | Quý 2-2025 | Quý 2-2024 |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| - Lãi cho vay | 2.820.010.780 | 3.340.712.932 |
| - Cổ tức nhận được | 29.350.000.000 | - |
| - Lãi tiền gửi có, không kỳ hạn | 1.359.743.837 | 1.444.232 |
| Cộng | 33.529.754.617 | 3.342.157.164 |

4. Chi phí tài chính

| Chi tiết gồm: | Quý 2-2025 | Quý 2-2024 |
|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| - Lãi vay | 665.971.615 | 2.157.591.041 |
| - Dự phòng đầu tư tài chính | 24.525.905.754 | - |
| Cộng | 25.191.877.369 | 2.157.591.041 |

5. Chi phí bán hàng

| Chi tiết gồm: | Quý 2-2025 | Quý 2-2024 |
|---------------------|--------------------|--------------------|
| - Chi phí nhân công | 120.892.307 | 119.111.538 |
| - Các khoản khác | 19.917.600 | 20.638.800 |
| Cộng | 140.809.907 | 139.750.338 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| Chi tiết gồm: | Quý 2-2025 | Quý 2-2024 |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 354.925.257 | 283.211.794 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 157.110.039 | 167.686.728 |
| - Chi phí trích lập dự phòng khó đòi | - | - |
| - Các chi phí khác | 456.382.203 | 376.632.957 |
| Cộng | 968.417.499 | 827.531.479 |

7. Chi phí khác

| Chi tiết gồm: | Quý 2-2025 | Quý 2-2024 |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| - Các chi phí khác | 42.409.129 | 28.527.865 |
| Cộng | 42.409.129 | 28.527.865 |

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| Chi tiết gồm: | Quý 2-2025 | Quý 2-2024 |
|---------------------------------|-------------|-------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 48.373.740 | 47.664.200 |
| - Chi phí nhân công | 749.689.080 | 670.473.408 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhôm Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

| | | |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 712.086.135 | 727.061.346 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 745.117.675 | 1.227.310.349 |
| - Các chi phí bằng tiền khác | 560.358.077 | 419.095.312 |
| Cộng | 2.815.624.707 | 3.091.604.615 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thành viên chủ chốt**Mối quan hệ**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày tại Thuyết minh mục V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (Ban Giám đốc)

| Tiền lương | Chức vụ | Quý 2-2025 | Quý 2-2024 |
|-------------------------|----------------|--------------------|--------------------|
| - Ông Nguyễn Đình Trạc | Tổng Giám đốc | 45.000.000 | 45.000.000 |
| - Ông Chu Sỹ Hoạt | Phó Giám đốc | 22.125.000 | 32.970.000 |
| - Ông Phạm Tiến Dũng | Phó Giám đốc | 33.570.000 | 33.570.000 |
| - Bà Hà Thị Phương Oanh | Kế toán trưởng | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Cộng | | 130.695.000 | 141.540.000 |

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận | Công ty con (Công ty nắm giữ 50% vốn điều lệ) |
| Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông | Công ty liên kết (Công ty nắm giữ 29% vốn điều lệ) |
| Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | Chung cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen | Công ty con (Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ) |
| Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai | Công ty đầu tư (Công ty nắm giữ 98% vốn điều lệ) |
| Chi Nhánh Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | Chi nhánh trực thuộc Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai |
| Công Ty Mass Noble Investment Limited | Công ty con (Công ty nắm giữ 97,73% vốn điều lệ) |
| Ansen Investment Holdings Limited | Công ty con gián tiếp |
| Shine Profit Development Limited | Công ty con gián tiếp |
| Greatrich Industrial Limited | Công ty con gián tiếp |
| Profit Metal Limited | Công ty con gián tiếp |
| 東莞橋頭益發燈具有限公司 | Công ty con gián tiếp |
| 東莞利材塑膠製品有限公司 | Công ty con gián tiếp |
| 東莞安迅電子有限公司 | Công ty con gián tiếp |

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Quý 2-2025 | Quý 2-2024 |
|---|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | Thuê ki ốt | 264.000.000 | 264.000.000 |
| | Thuê mái nhà | 60.000.000 | 60.000.000 |
| - Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | Cho thuê xe | 13.636.364 | 13.636.364 |
| - Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen | Thu tiền điện | 239.417.769 | 1.440.686.595 |
| | Đi vay | 2.747.659.000 | |
| | Lãi vay | 146.868.299 | |
| - Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông | Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư | 4.350.000.000 | |
| - Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận | Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư | 50.000.000.000 | |
| Hoạt động khác | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Quý 2 năm 2025 Tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

*Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.***Số dư cuối kỳ các bên liên quan khác**

Số dư cuối kỳ của các bên liên quan khác đã được trình bày tại Thuyết minh mục V.2, V.3, V.4, V.6.

3. Báo cáo theo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Sản xuất điện.

| | Doanh thu dịch vụ bến | Doanh thu dịch vụ vận chuyển | Doanh thu điện mặt trời | Cộng |
|---|------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.984.245.758 | 81.312.602 | 1.723.523.981 | 5.789.082.341 |
| Giá vốn hàng bán | 1.033.024.473 | 92.435.577 | 580.937.251 | 1.706.397.301 |
| Lợi nhuận gộp | 2.951.221.285 | (11.122.975) | 1.142.586.730 | 4.082.685.040 |
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.278.621.965 | 47.271.364 | 1.705.702.575 | 5.031.595.904 |
| Giá vốn hàng bán | 1.355.250.041 | 83.560.595 | 685.512.162 | 2.124.322.798 |
| Lợi nhuận gộp | 1.923.371.924 | (36.289.231) | 1.020.190.413 | 2.907.273.106 |

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

4. So liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt. Riêng Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ số liệu so sánh là 30 tháng 06 năm 2024.

TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2025.

Người lập biểu/Kế toán trưởng


HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám đốc

**NGUYỄN ĐÌNH TRẠC**